CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 1/2025

CTCP Xây dựng số 5

Ngày 31/03/2025	18,500 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	-	-	**-2.6%**

DT thuần *Q1/25*
468 *tỷ VNĐ*
QoQ: ▼447| -48.9%
YoY: ▼301| -39.2%

LN thuần *Q1/25*
6.15 *tỷ VNĐ*
QoQ: ▼17.0| -73.4%
YoY: ▼7.45| -54.8%

LN sau thuế *Q1/25*
4.54 *tỷ VNĐ*
QoQ: ▼9.16| -66.9%
YoY: ▼6.36| -58.4%

Tỷ suất lãi EBIT *Q1/25*
5.1%
YoY: +/-▲ 1.2%

ROE (TTM) *Q1/25*
8.1%
YoY: +/-▼ 1.9%

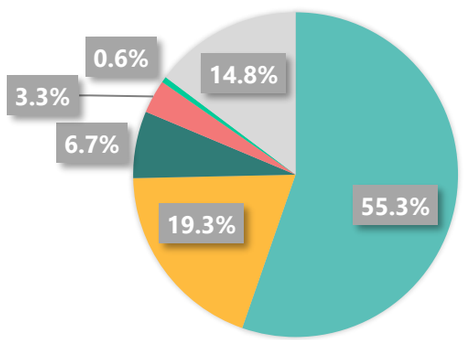
Sàn giao dịch	HSX
Khoảng giá 52 tuần	16,400 - 22,950
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	277
Số lượng CPLH (CP)	14,983,499
KLGD BQ 20 phiên (CP)	5,115
Sở hữu nước ngoài	2.3%
Beta	
EPS	2,044
P/E	9.1

DT thuần *2024*
2,757 *tỷ VNĐ*
YoY: ▲ 149| 5.7%

LN thuần *2024*
52.2 *tỷ VNĐ*
YoY: ▲ 2.00| 4.0%

LN sau thuế *2024*
37.0 *tỷ VNĐ*
YoY: ▲ 0.60| 1.7%

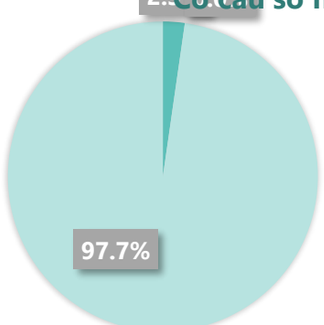
Cơ cấu cổ đông



- Nguyễn Đình Dũng (Tổng giám đốc)
- Phạm Văn Tư (Thành viên HĐQT)
- Phạm Thị Liên (Phó Tổng giám đốc)
- Dương Thị Trinh
- Lê Hữu Hòe
- Khác

(Nguồn: fireant.vn)

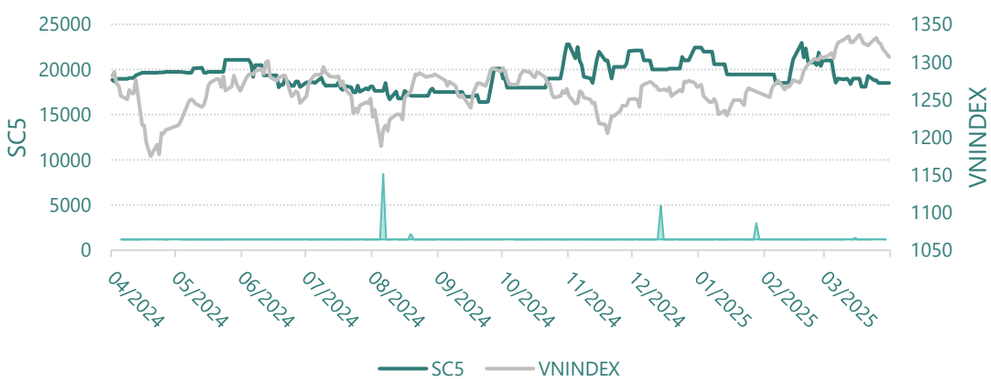
Cơ cấu sở hữu



- Sở hữu nước ngoài
- Sở hữu nhà nước
- Sở hữu khác

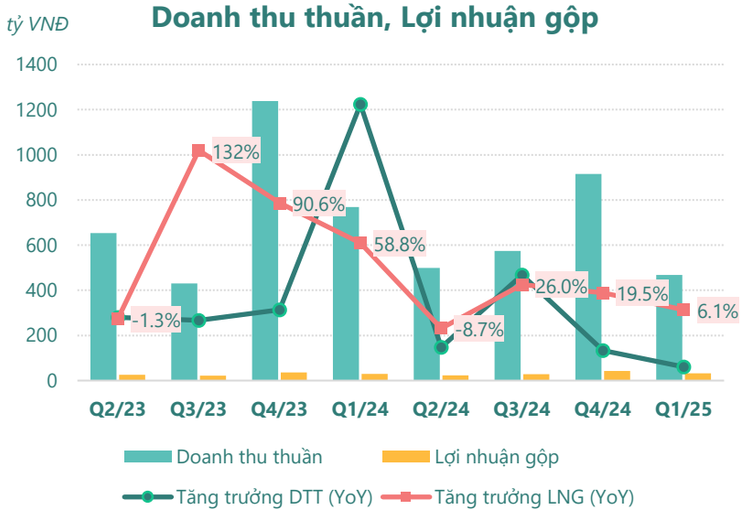
(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



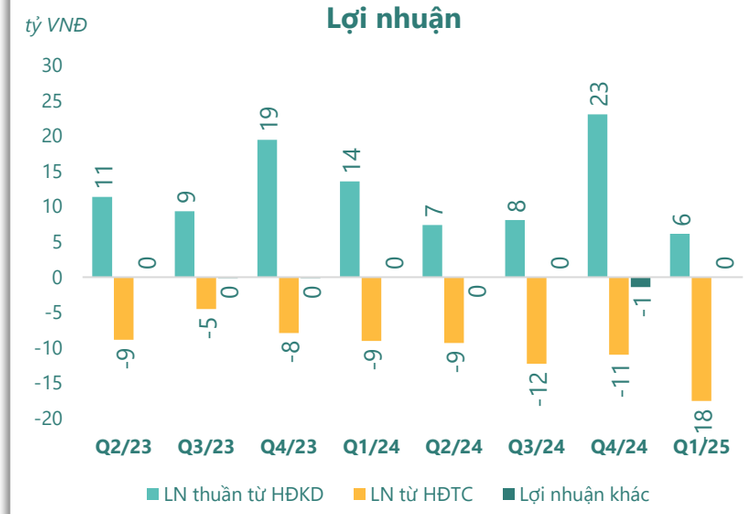
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



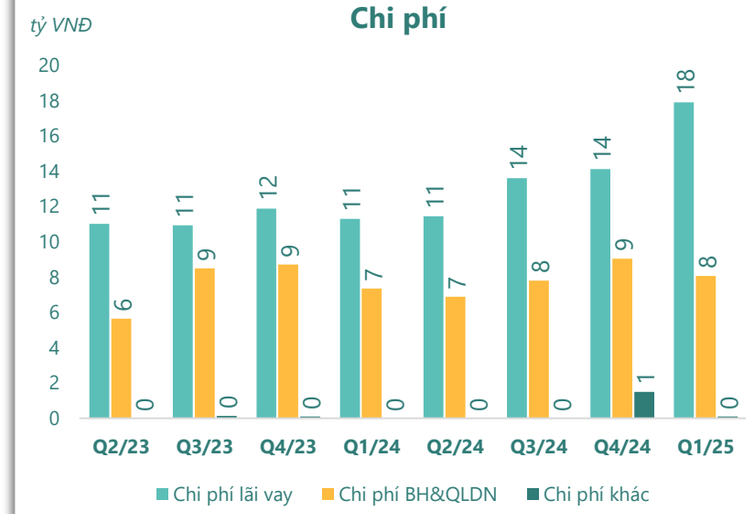
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



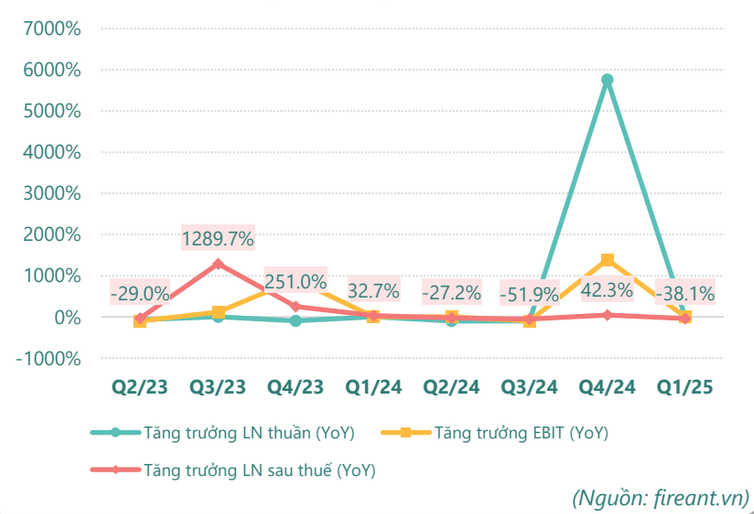
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



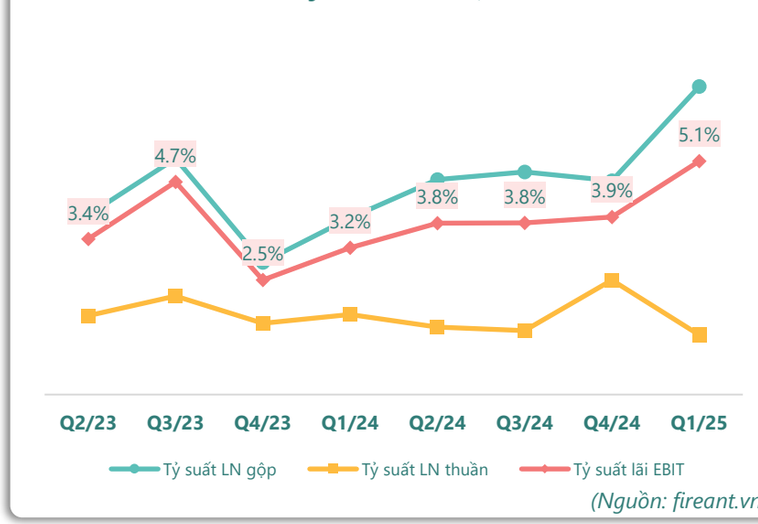
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



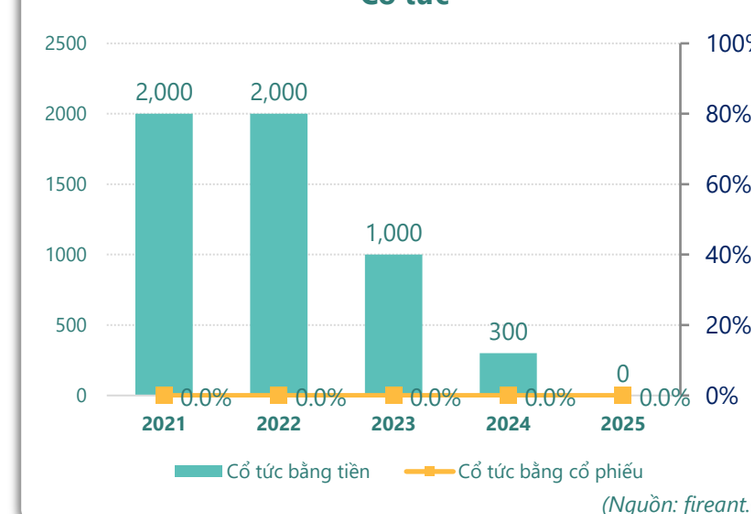
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

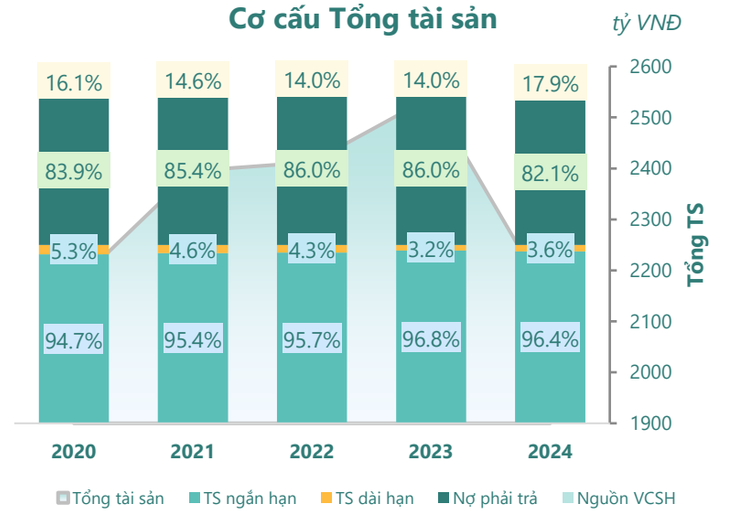
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

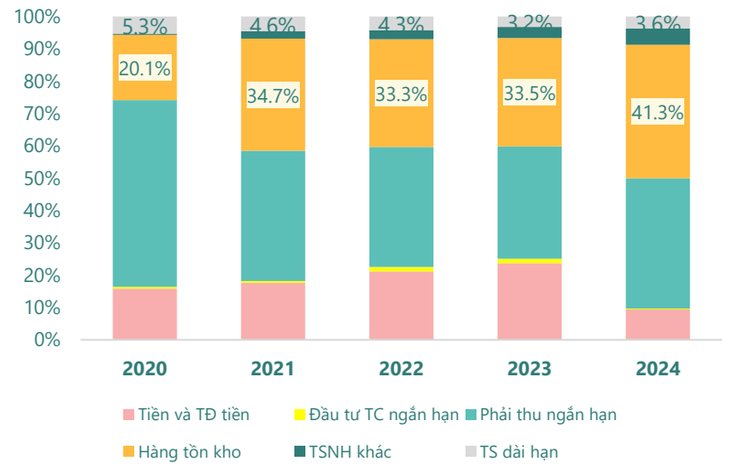
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



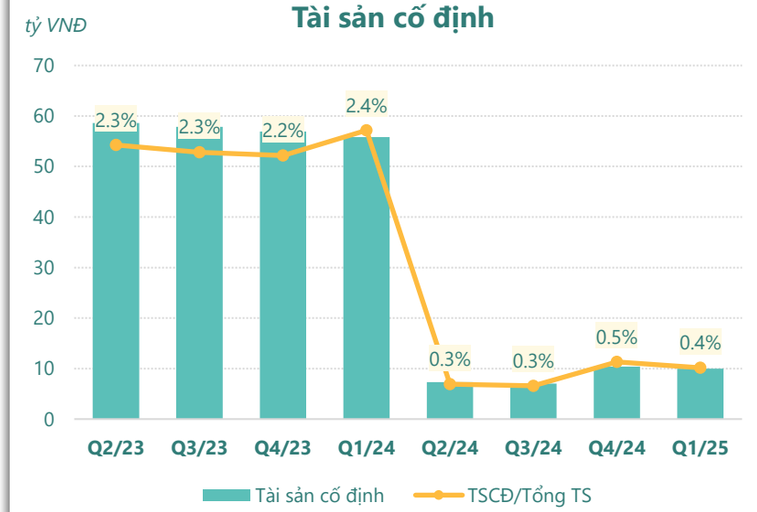
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



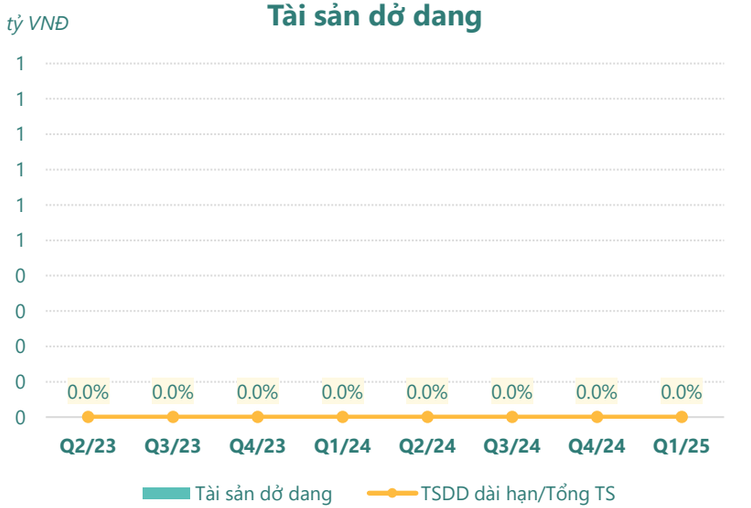
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



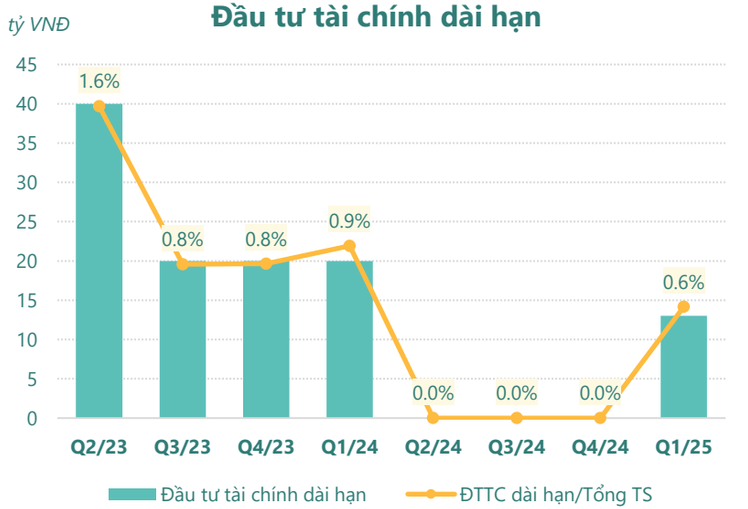
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



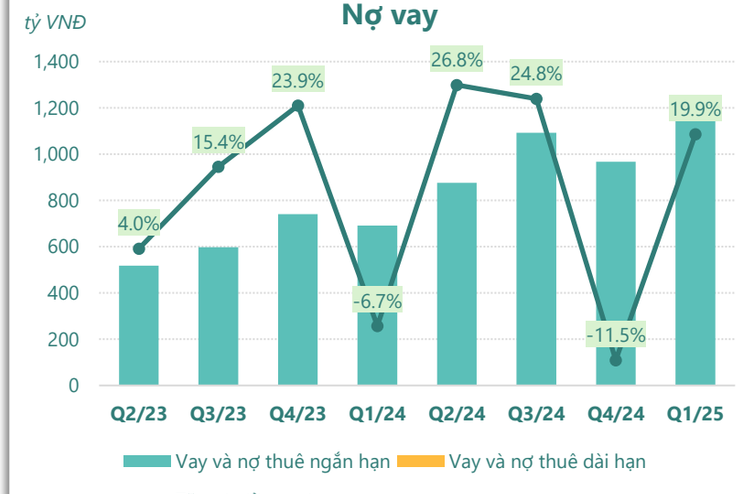
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

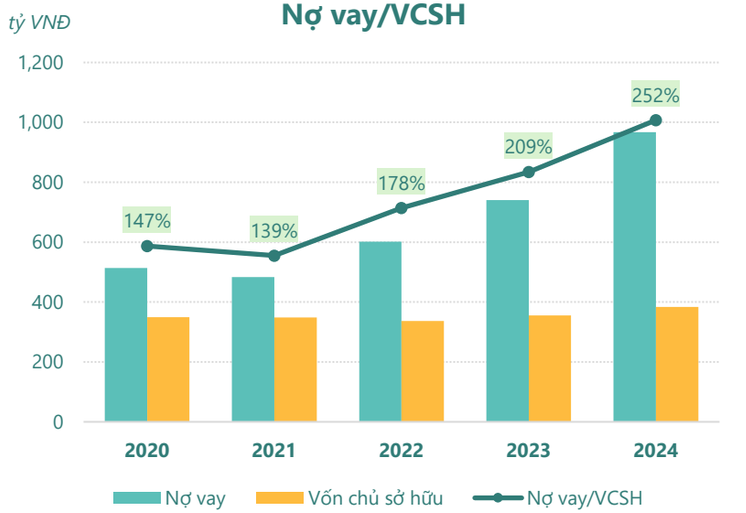
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

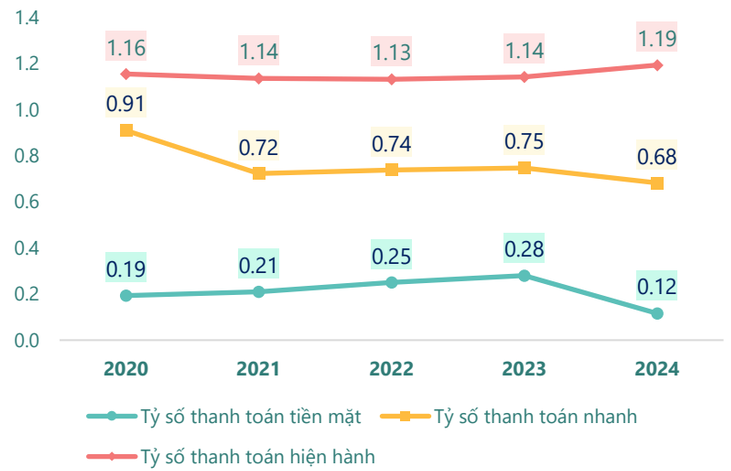
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



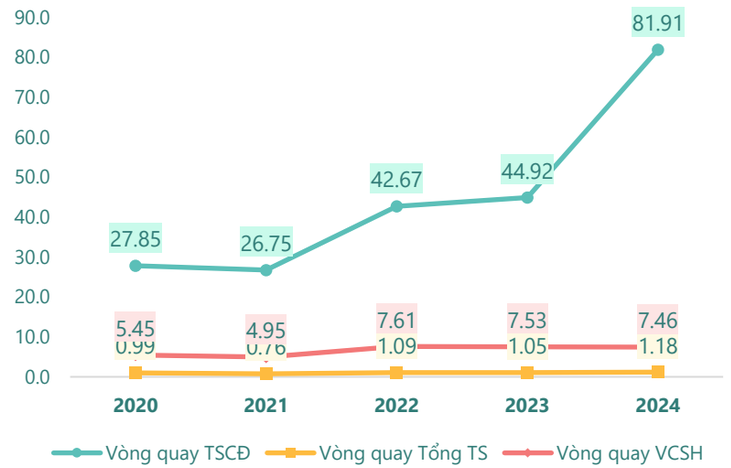
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



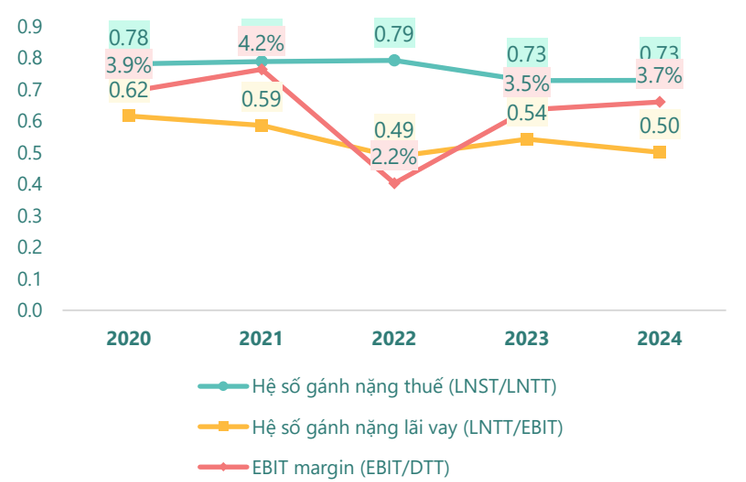
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



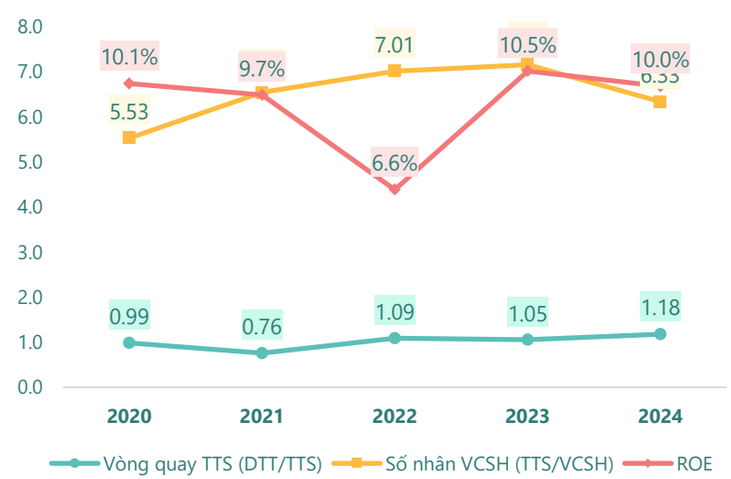
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



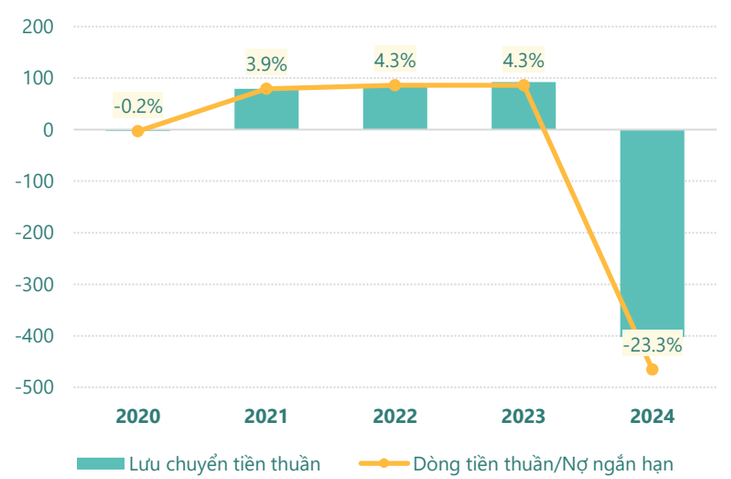
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q1/25	Q1/24	Thay đổi YoY	2024	2023	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**468**	**769**	**-39.2%**	**2,757**	**2,608**	**5.7%**
Giá vốn hàng bán	436	739	-41.0%	2,632	2,505	5.1%
Lợi nhuận gộp	31.8	29.9	6.3%	125	103	21.0%
Doanh thu HĐTC	0.35	2.27	-84.6%	8.83	17.5	-49.7%
Chi phí TC	17.9	11.3	58.5%	50.5	42.1	20.0%
Chi phí lãi vay	17.9	11.3	58.5%	50.5	42.1	20.0%
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	0.07	0.25	-72.1%	0.82	1.46	-43.9%
Chi phí QLDN	**8.00**	**7.10**	**12.6%**	**30.3**	**27.0**	**11.9%**
LN thuần từ HĐKD	6.15	13.6	-54.8%	52.2	50.2	4.0%
Lợi nhuận khác	**0.02**	**0.00**		**-1.40**	**-0.19**	**-638%**
LN trước thuế	6.16	13.6	-54.7%	50.8	50.0	1.6%
Lợi nhuận sau thuế	**4.54**	**10.9**	**-58.4%**	**37.0**	**36.4**	**1.7%**
LNST của CĐ cty mẹ	**4.54**	**10.9**	**-58.4%**	**37.0**	**36.4**	**1.7%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ *(tỷ VNĐ)*	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	219	-250	-173	-292	55.4	-285
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	3.73	4.15	24.7	6.66	-0.67	0.35
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	128	-49.9	185	213	-126	192
Tiền đầu kỳ	252	603	308	344	271	201
Lưu chuyển tiền thuần	**351**	**-295**	**36.1**	**-72.3**	**-70.8**	**-92.3**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0.82	-0.82	0	0	0
Tiền cuối kỳ	603	308	344	271	201	108

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Tại ngày 31/3/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**2,298**	**2,141**	**7.3%**
Tài sản ngắn hạn	2,221	2,063	7.6%
Tiền và tương đương tiền	108	201	-46.0%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	7.31	7.31	0.0%
Phải thu ngắn hạn	870	862	0.9%
Hàng tồn kho	1,111	884	25.7%
Tài sản ngắn hạn khác	124	109	14.0%
Tài sản dài hạn	**76.6**	**78.1**	**-1.9%**
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	9.99	10.4	-3.7%
Bất động sản đầu tư	45.4	46.1	-1.5%
Tài sản dở dang	0	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	13.0	13.0	0.0%
Tài sản dài hạn khác	**8.16**	**8.54**	**-4.5%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	1,909	1,757	8.6%
Nợ ngắn hạn	**1,881**	**1,729**	**8.8%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	1,160	967	19.9%
Phải trả người bán ngắn hạn	447	489	-8.5%
Nợ dài hạn	28.4	28.3	0.4%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	**389**	**384**	**1.2%**
Vốn chủ sở hữu	**389**	**384**	**1.2%**
Vốn điều lệ	150	150	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)